

VAI TRÒ CỦA MỸ TRONG VIỆC PHÁP TÁI CHIẾM VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1945-1947 VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM TRONG QUAN HỆ VỚI NƯỚC LỚN HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ THU HỒNG*

*Học viện Khoa học Quân sự, ✉ nguyenthuhong20172010@gmail.com
Ngày nhận bài: 31/3/2024; ngày sửa chữa: 13/5/2024; ngày duyệt đăng: 15/6/2024

TÓM TẮT

Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc đã thay đổi bức tranh toàn cầu một cách nhanh chóng. Những quốc gia lớn trong phe Đồng minh bắt đầu quan tâm đến các vấn đề sau chiến tranh, bao gồm việc giải quyết tình hình thuộc địa và việc tiến hành phi thực dân hóa. Vai trò và chính sách của Mỹ trong các vấn đề này đã ảnh hưởng đến quyết định của nhiều quốc gia, bao gồm cả việc Pháp muốn tái chiếm Việt Nam. Bài báo sẽ phân tích quan điểm của Mỹ về Việt Nam trước năm 1945 làm cơ sở đánh giá vai trò của Mỹ trong việc hỗ trợ Pháp quay trở lại Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1947 và rút ra một số bài học quan trọng về quan hệ ngoại giao của Việt Nam với các quốc gia lớn trong thời đại hiện nay.

Từ khóa: châu Á, Thái Bình Dương, chiến tranh thế giới thứ hai, vai trò

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khi chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc, vấn đề Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng là chủ đề được các nước lớn bàn luận tại hội nghị quốc tế như Tehran (11/1943), Ianta (2/1945) và Potsdam (7/1945). Các cường quốc Mỹ, Liên Xô, Anh và Trung Quốc là các quốc gia có vai trò quan trọng trên trường quốc tế. Đồng thời, các quốc gia đều quan tâm đến vấn đề Đông Dương với những lợi ích khác nhau. Trong đó, Mỹ có chiến lược riêng cho khu vực này. Việc quân đội Nhật chiếm Đông Dương và sự đầu hàng của Pháp đã làm cho Tổng thống Roosevelt lo ngại quyền lợi của Mỹ ở vùng Đông Nam Á bị đe dọa. Sau khi chiến tranh kết thúc, căn cứ vào tương quan lực lượng toàn cầu, Tổng thống Mỹ chủ trương

“Đông Dương sẽ được cai quản bởi một chế độ thác quản quốc tế”. Mỹ muốn phá thế độc quyền của chủ nghĩa thực dân Pháp và Anh ở thuộc địa, tạo điều kiện thực hiện “chính sách cửa ngõ” và “cơ hội đồng đều” của Mỹ. Tuy nhiên, thực tế tình hình thế giới và Đông Dương đã khiến Mỹ phải có chiến lược thận trọng và nhất quán hơn. Mỹ và các đồng minh Anh, Trung Hoa quốc dân Đảng từng bước thực hiện chế độ “ủy thác” và hỗ trợ Pháp trong việc tái thiết chế độ thực dân tại Đông Dương và Việt Nam.

2. QUAN ĐIỂM CỦA MỸ VỀ VIỆT NAM TỪ TRƯỚC NĂM 1945

Trước chiến tranh thế giới thứ hai, dường như “hầu hết người Mỹ và Tổng thống Roosevelt ít quan tâm hoặc biết đến Đông Dương thuộc Pháp”

(Bartholomew - Feis, 2006, tr. 197). Trong con mắt của những người Mỹ, Việt Nam cũng như các thuộc địa của Pháp ở Đông Dương nằm ở ngoài phạm vi quan hệ đối ngoại. Bởi lẽ, nước Mỹ và Roosevelt luôn dành mối quan tâm hàng đầu cho châu Âu và khu vực Mỹ La tinh. Tuy nhiên, sự kiện Pháp - Nhật tranh chấp quần đảo Hoàng Sa (1939) đã khiến cho chính quyền Roosevelt phải chú ý đến tình hình Việt Nam. Mặc dù, thái độ của Mỹ mới dừng lại ở mức ôn hòa và trung lập nhưng Đông Dương thuộc Pháp đã chiếm một vị trí nhất định trong quan điểm của chính quyền Roosevelt. Chính quyền Roosevelt coi Đông Dương là “một khu vực địa lý không thể phủ nhận dưới sự kiểm soát của Pháp và có ý nghĩa quan trọng đối với chính phủ Tưởng Giới Thạch, chứ không phải như một vùng đất của người bản xứ với những quyền và khát vọng của riêng mình” (Bartholomew - Feis, 2006, tr. 198).

Năm 1940, khi Pháp đầu hàng Nhật dẫn đến khả năng Đông Dương có thể rơi vào tay một thành viên phe Trục (Nhật Bản) nhất là khi nước Nhật ngày càng lấn tới, đưa thêm yêu sách về chia sẻ quyền lực tại khu vực và không ngừng gia tăng sức ép lên chính phủ Vichy thì vấn đề Đông Dương trở nên đậm nét hơn trong nhận thức của Mỹ. Trước nguy cơ bành trướng sức mạnh của Nhật ở Đông Dương, Mỹ yêu cầu “Chính phủ Nhật phải ngừng mọi hành động chiếm đóng ở Đông Dương bằng quân đội và hải quân hoặc ngừng ngay những khởi sự đang bắt đầu” (Edition, 1971, tr. 75) đề nghị Nhật cùng cam kết “coi Đông Dương là một quốc gia trung lập cùng một cách thức như nước Thụy Sĩ mà các cường quốc đã công nhận là quốc gia trung lập” (Edition, 1971, tr. 76) và sẽ đảm bảo cho Nhật quyền được cung cấp nguyên liệu từ Đông Dương trên cơ sở cân bằng với các nước khác. Tuy nhiên, những mâu thuẫn về quyền lợi của 2 quốc gia quá sâu rộng và không thể điều hòa.

Chiến tranh châu Á-Thái Bình Dương đã củng cố thêm tầm quan trọng địa chính trị Việt Nam đối với Mỹ. Mỹ coi Việt Nam là bàn đạp để Nhật Bản tấn công một số nước châu Á. Đồng thời, coi việc Nhật chiếm Đông Dương như một bước tiến để

nắm quyền kiểm soát vùng biển phía Nam, bao gồm các con đường thương mại quan trọng đối với Mỹ. Do đó, Mỹ bắt đầu quan tâm đến việc Pháp bảo tồn các vùng thuộc địa và yêu cầu Pháp tiến hành chiến tranh chống lại các cuộc xâm lược của những nước thuộc khối Trục tại các khu vực đó. Bên cạnh đó, Mỹ cam kết “Mọi cuộc chiến đấu của chính quyền Pháp chống phát xít ở bất kỳ vùng thuộc địa nào cũng sẽ nhận được sự ủng hộ không chỉ về tinh thần mà còn cả sự hỗ trợ vật chất từ chính phủ Mỹ”. Tuy nhiên, Roosevelt muốn “Mỹ sẽ giữ vai trò trung tâm trong tương lai của nước Việt Nam hậu chiến” (Bradley, 2000, tr. 40) và đô đốc Leahy đã tuyên bố với những người đứng đầu nước Pháp: “Nếu Đồng minh thắng, chúng tôi sẽ tiếp quản Đông Dương” (William, 1950, tr. 44). Điều này sẽ gặp phải sự chống đối từ nhiều nước, nhất là Pháp và Anh, nếu họ cai trị Đông Dương một cách trực tiếp như họ đã cai trị Philippines. Do đó, Roosevelt chủ trương đặt Đông Dương sau chiến tranh dưới sự “ủy trị quốc tế” hay sự ủy trị của Liên hợp quốc. Ông giải thích với các nhà ngoại giao Liên Xô, Anh, Trung Hoa, Iran, Ai Cập và Thổ Nhĩ Kỳ: “Vi người Đông Dương không được chuẩn bị để tự quản trị, nên xứ này sẽ phải đặt dưới sự ủy trị của Liên hợp quốc để phát triển xứ ấy theo đường lối ở Philippines” (Hess, 1987, tr. 89). Theo quan điểm của Roosevelt: “Chế độ ủy trị có nhiệm vụ chuẩn bị cho dân Đông Dương hưởng độc lập sau một quãng thời gian được ấn định, có lẽ từ 20 đến 30 năm” (Hess, 1987, tr. 90). Cơ chế tham gia chế độ “ủy trị” sẽ có một vài nước nhưng Mỹ giữ vai trò chủ chốt. Tuy nhiên, Mỹ đang lo đối phó với diễn biến phức tạp của chiến tranh thế giới thứ hai ở cả châu Âu lẫn châu Á-Thái Bình Dương nên Mỹ cần đến một đồng minh tin cậy nhất để giữ vai trò thứ hai – đó là Trung Hoa dân quốc của Tưởng Giới Thạch. Vì vậy, nhà sử học Pháp Philippe Devillers (1988, tr. 116) cho rằng, “Ủy trị quốc tế trong thực tế là ủy trị Mỹ - Trung Hoa”. Nhà sử học Mỹ LaFeber nhận định: “Kế hoạch của Roosevelt về giải pháp ủy trị cho Đông Dương đặt cơ sở trên việc Mỹ cho rằng Trung Hoa có thể thay Pháp làm một đại cường quốc ở châu Á” (LaFeber, 1975, tr. 116).

Sáng kiến thiết lập chế độ “ủy trị quốc tế” đã gặp phải sự phản đối của nhiều nước đặc biệt là Anh - Pháp. Anh là nước sở hữu diện tích thuộc địa lớn nhất thế giới. Do đó, Mỹ đề xuất trao trả độc lập hay không tái xâm lược các quốc gia thuộc địa ảnh hưởng lớn đến Anh. Hơn nữa, sau chiến tranh thế giới thứ hai, vị thế của Pháp đã dần được nâng cao và Mỹ cần phải tập hợp lực lượng nhằm duy trì khối tư bản chủ nghĩa vững mạnh nên không muốn xung đột với các nước đồng minh tại châu Âu. Dưới sức ép của các nước đồng minh buộc Roosevelt nhượng bộ và điều chỉnh chủ trương ủy trị quốc tế đối với Đông Dương, mở rộng thành phần và đồng ý để Pháp có mặt tại Hội đồng ủy trị quốc tế của Đông Dương.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, người kế nhiệm nước Mỹ là Tổng thống Truman đã thay đổi quan điểm và chính sách đối với Đông Dương. Trong con mắt những người đứng đầu nước Mỹ “Việt Nam sắp sửa trở thành một con tốt trên bàn cờ lớn toàn cầu của chiến tranh lạnh mới phát sinh giữa hai khối Đông - Tây” (Robert, 1999, tr. 65). Ngày 21/8/1945, chủ tịch Chính phủ lâm thời Pháp De Gaulle cùng ngoại trưởng Georges Bidault đã có cuộc tiếp xúc với Tổng thống Mỹ Truman. Trong cuộc hội đàm, Truman cho rằng “từ nay trở đi, sự chống đối giữa thế giới tự do và thế giới Xô-viết vượt lên trên tất cả. Vì vậy, điều chủ yếu là tránh những chuyện tranh cãi giữa các nước tư bản chủ nghĩa với nhau và những xáo động cách mạng để tất cả những gì không phải là cộng sản không trở thành cộng sản” (Serge Berstein & Pierre Milza, 1991, tr. 245).

Điều này khiến Mỹ dần muốn lôi kéo Pháp tham gia vào một liên minh chống Cộng – do Mỹ lãnh đạo nhằm ngăn chặn sự bành trướng ảnh hưởng của Liên Xô ở châu Âu, như một tuyên bố sau này của Bộ ngoại giao Mỹ khẳng định: “Chúng ta sẽ có lợi khi duy trì ở vị trí cầm quyền một chính phủ Pháp hữu nghị để giúp chúng ta trong việc xúc tiến những mục đích của chúng ta ở châu Âu” (William, 1984, tr. 321).

Trong khi đó, trước khi quân Đồng minh tiến vào Việt Nam, Việt Nam Độc lập Đồng minh hội

(Việt Minh) với nòng cốt lãnh đạo là Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội (19/8/1945). Ngày 29/8/1945 một Chính phủ Lâm thời đã được thành lập tại Hà Nội và ngày 2/9/1945, chủ tịch Hồ Chí Minh chính thức tuyên bố nền độc lập của Việt Nam, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngay sau khi Nhật đầu hàng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Ủy ban Giải phóng Dân tộc đề nghị Mỹ gửi điện cho các nước Đồng minh yêu cầu Liên hợp quốc trao quyền “độc lập hoàn toàn” cho các nước Đông Dương. Chính phủ Mỹ đứng trước thế tiến thoái lưỡng nan. Mỹ phải có sự lựa chọn rõ ràng trong chính sách của mình đối với Việt Nam: hoặc giúp Pháp lấy lại quyền kiểm soát, hoặc giúp Chủ tịch Hồ Chí Minh giành lại độc lập cho Việt Nam. Tuy nhiên, sau chiến tranh thế giới thứ hai, châu Âu chiếm vị trí ưu tiên hàng đầu trong chiến lược ngoại giao của Mỹ vì thế Mỹ đã giải quyết tình thế khó xử này trên cơ sở chính sách “trước hết là châu Âu”. Mỹ tỏ ra thông cảm với sự nghiệp độc lập của nhân dân Việt Nam, nhưng coi việc tái thiết lập kinh tế và ổn định về chính trị của Pháp còn quan trọng hơn. Đây là lý do khiến cho Mỹ đã không có động thái tích cực nào trong vấn đề Pháp tái chiếm Đông Dương.

Thực tế thì quan điểm chính thức của Mỹ đã phản ánh sự lựa chọn về ưu tiên đối với châu Âu. Trong diễn văn ngày 27/10/1945, Tổng thống Truman đã chỉ ra rằng, Mỹ muốn Pháp rảnh tay trong việc giành lại quyền kiểm soát tại Việt Nam. Mỹ vẫn duy trì chính sách “không nhúng tay” vào tất cả các cuộc xung đột liên quan tới các lực lượng cách mạng dân tộc chống lại các thế lực thực dân. Theo Bộ Ngoại giao Mỹ kết luận thì một chính phủ ở Đông Dương bị Việt Minh lãnh đạo sẽ có ảnh hưởng lớn đối với quyền lợi của Mỹ.

Tháng 11/1946, trưởng phái bộ Đông Nam Á của Bộ Ngoại giao Mỹ, Abbot Low Moffat đã báo cáo về tình hình Việt Nam và nêu lên quan ngại về mối liên hệ giữa Liên bang Xô viết và chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa. Báo cáo đưa ra đề xuất: “Sự hiện diện của Pháp là cần thiết, không

chỉ để làm đối trọng với ảnh hưởng của Liên Xô mà còn để bảo vệ Việt Nam và Đông Nam Á khỏi hoạt động xâm nhập của Đảng Cộng sản Trung Quốc” (Lê Phụng Hoàng, 2008, tr. 70). Báo cáo khiến Mỹ quan tâm đến tình hình Việt Nam và buộc Mỹ chuyển sang chính sách ủng hộ Pháp tái xâm lược Việt Nam. Mỹ chấp nhận để Việt Nam nằm dưới sự kiểm soát của Pháp còn hơn thấy Việt Nam độc lập dưới sự kiểm soát của chủ nghĩa xã hội.

3. VAI TRÒ CỦA MỸ TRONG VIỆC GIÚP PHÁP TÁI CHIẾM VIỆT NAM

Mỹ ra khỏi chiến tranh là cường quốc thế giới hàng đầu, độc quyền vũ khí nguyên tử, chủ nợ của các nước Tây Âu. Ưu tiên chiến lược đối ngoại của Mỹ là xác lập vai trò lãnh đạo của Mỹ trong hệ thống tư bản chủ nghĩa và thiết lập trật tự thế giới do Mỹ chi phối. Mỹ có nhu cầu lôi kéo Pháp, do đó nhân nhượng Pháp về vấn đề thuộc địa, trong đó có Đông Dương.

Như đã phân tích ở trên, ban đầu cả Mỹ và Anh đều trì hoãn đưa ra quyết định cuối cùng về Đông Dương do có những lo ngại về phản ứng dây chuyền trong khu vực Đông Nam Á cũng như vấn đề sự trỗi dậy của Trung Quốc; thậm chí trong quá trình Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945), Mỹ không ủng hộ Pháp quay lại chiếm đóng Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng. Bởi lúc này, lực lượng Pháp ở Đông Dương thuộc chính phủ Vichy đang chịu ảnh hưởng của phát xít Đức. Pháp gặp nhiều bất lợi trong việc quay trở lại nắm quyền kiểm soát Đông Dương và Việt Nam. Nội bộ chính trị Pháp chưa ổn định với thay đổi chính quyền và các cuộc đấu tranh giữa các nhóm thân phát xít và nhóm cách mạng. Ở Đông Dương, lực lượng Pháp đã đầu hàng Nhật và không đảm bảo được vai trò bảo hộ thuộc địa.

Cuối năm 1944, Roosevelt có kế hoạch đổ bộ vào Bắc Kỳ và xây dựng tuyến đường Hải Phòng-Côn Minh nhằm cung cấp trang thiết bị vũ khí cho chính quyền Tưởng Giới Thạch trong kháng chiến chống Nhật ở Trung Quốc (Tonnesson Stein, 2002). Tuy nhiên, kế hoạch đã không thành công và chính quyền Mỹ không muốn can thiệp

sâu vào Đông Dương. Đầu năm 1945, Mỹ khẳng định không muốn đưa bất cứ một quyết định nào về Đông Dương. Bởi đó là vấn đề hậu chiến và cũng không muốn bất cứ nỗ lực quân sự nào để giải phóng Đông Dương khỏi Nhật từ cả góc độ quân sự, pháp lý và hành động vào thời điểm đó.

Tuy nhiên, trong cuộc hội đàm ngày 24/8/1945 tại Washington với De Gaulle và Georger Bidault, Tổng thống Mỹ Truman khẳng định “Trong mọi trường hợp, đối với Đông Dương, chính phủ tôi không chống lại việc chính quyền và quân đội Pháp quay lại xứ ấy” (Charles, 1959, tr. 149-150). Được Truman bật đèn xanh, De Gaulle tuyên bố “Lập trường của Pháp về Đông Dương rất đơn giản: Pháp có ý định thu hồi chủ quyền của mình trên toàn Đông Dương. Dĩ nhiên là sự khôi phục đó sẽ kéo theo một thể chế mới, nhưng đối với chúng tôi, chính quyền của Pháp là vấn đề hàng đầu” (Lacouture Jean, 1981, tr. 74).

Về mặt pháp lý, nghị quyết Hội nghị Potsdam không giao cho Pháp mà lại giao cho Anh và Trung Hoa dân quốc tiếp quản miền Nam và miền Bắc của Đông Dương từ tay Nhật Bản do đó Pháp phải có giải pháp thuyết phục hai nước. Tham vọng của Pháp không dừng lại ở vĩ tuyến 16 mà muốn chiếm toàn bộ Việt Nam. Tham vọng đó được Mỹ giúp sức, hỗ trợ cả về kinh tế, chính trị và quân sự.

Sự hỗ trợ của Hoa Kỳ dành cho Pháp tại Việt Nam được thúc đẩy bởi một số yếu tố: Thứ nhất, ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản: Học thuyết Truman, được công bố năm 1947, cam kết Mỹ hỗ trợ các dân tộc tự do chống lại chủ nghĩa cộng sản. Trong bối cảnh này, Mỹ coi những nỗ lực của Pháp ở Việt Nam là một phần của cuộc đấu tranh rộng lớn hơn trong Chiến tranh Lạnh chống lại chủ nghĩa cộng sản, đặc biệt là khi Việt Nam có mối quan hệ với Liên Xô và Trung Quốc.

Thứ hai, lợi ích chiến lược: Việt Nam có tầm quan trọng chiến lược ở Đông Nam Á, cả về vị trí địa lý và tài nguyên thiên nhiên. Mỹ coi việc duy trì sự ổn định trong khu vực là rất quan trọng đối với lợi ích của mình ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương rộng lớn hơn.

Thứ ba, lợi ích kinh tế: Mỹ có lợi ích kinh tế ở Đông Nam Á, bao gồm khả năng tiếp cận thị trường và tài nguyên thiên nhiên. Hỗ trợ những nỗ lực của Pháp ở Việt Nam được coi là có lợi cho việc duy trì sự ổn định và bảo vệ những lợi ích kinh tế Mỹ tại khu vực này.

Quá trình triển khai các kế hoạch của Mỹ nhằm hỗ trợ Pháp thực hiện chiến lược thiết lập lại chế độ thực dân tại Việt Nam kéo dài từ năm 1945 đến năm 1954.

Về chính trị, Mỹ đã thực hiện một loạt các chiến lược nhằm tạo điều kiện cho Pháp có thể dễ dàng thực hiện kế hoạch quay trở lại Việt Nam để thiết lập chế độ thực dân cũ. Theo giáo sư Mỹ George MeTuraan Kahin: “ít ra là từ cuối tháng 9/1945, Mỹ đã kêu gọi Trung Hoa để cho Pháp dễ dàng thu hồi quyền lực ở Việt Nam. Lúc đó Mỹ cam kết sẽ thúc đẩy tướng Lu Hán giúp Pháp lấy lại quyền kiểm soát nửa phía Bắc của Việt Nam” (Chen, 1986, tr. 19). Được Mỹ viện trợ, Pháp gửi nhiều nhân vật có thẩm quyền sang Trưng Khánh để thương lượng việc quân Pháp thay quân Trung Hoa chiếm đóng miền Bắc Việt Nam. Mỹ đã ép Tưởng Giới Thạch ký với Pháp thỏa thuận Trưng Khánh (2/1946) dàn xếp xung đột lợi ích hai bên, trong đó có việc quân Tưởng rút khỏi Miền Bắc Việt Nam tạo điều kiện cho Pháp đưa quân ra chiếm đóng, bù lại Pháp phải dành cho Trung Hoa một số quyền lợi kinh tế.

Bên cạnh việc Mỹ tác động đồng minh là chính quyền Trung Hoa quốc dân Đảng tạo điều kiện để Pháp dễ dàng vào Việt Nam thì Mỹ triển khai chiến lược dùng “giải pháp Bảo Đại”.

Mặc dù có những bất đồng, thậm chí mâu thuẫn nhau về quyền lợi ở Đông Dương, nhưng do sự phát triển tình hình thực tế ở chiến trường Đông Dương, buộc Mỹ phải tạm thời hòa hoãn với Pháp để cùng phối hợp hành động chống lại cuộc kháng chiến vì độc lập dân tộc, tự do của nhân dân Việt Nam. Sự phối hợp hành động này cũng để nhằm chống lại sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới từ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, đe dọa vận mệnh hệ thống thuộc địa

của chủ nghĩa đế quốc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La tinh. Với ý nghĩa đó, Mỹ đã xem Pháp như là người giữ phòng tuyến ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản tràn xuống Đông Nam Á.

Mỹ đã tuyên bố xem vai trò của Pháp ở Đông Dương như là một bộ phận cấu thành của các “quốc gia tự do” trên thế giới chống lại “những âm mưu xâm chiếm và lật đổ của cộng sản”. Cả Mỹ và Pháp đều gặp nhau ở chỗ muốn sử dụng “con bài Bảo Đại” để chống lại phong trào kháng chiến của nhân dân Việt Nam. Chủ trương dùng “con bài Bảo Đại” của Mỹ sau này đã được tuyên bố rất rõ trên tờ báo “Life” ngày 22/12/1947: Hoa Kỳ cho rằng, phải gấp rút công nhận Bảo Đại và giúp đỡ ông ta tổ chức một quân đội riêng. Nếu Pháp không muốn như vậy, thì Mỹ cần phải nắm lấy việc đó mà làm.... Chính quyền Washington đã khẳng định rằng, đây là “giải pháp cần thiết và thích hợp trong hoàn cảnh nan giải hiện nay của Pháp”. Các hoạt động ngoại giao của Mỹ đã tác động trực tiếp đến đối sách của Pháp ở Đông Dương; Pháp cũng thấy rõ phải nhanh chóng nắm lấy Bảo Đại, đừng để rơi vào tay Mỹ.

Khi nêu ra “giải pháp Bảo Đại”, Mỹ chủ trương áp dụng công thức “lời khuyên và sức ép”, một mặt vừa giữ được sự liên minh chặt chẽ với Pháp, mặt khác lại thúc đẩy Pháp nhanh chóng tìm ra giải pháp thích hợp về Đông Dương. Mỹ sẵn sàng ủng hộ Pháp trong giải pháp Bảo Đại, bằng cách vừa thuyết phục, vừa gây áp lực để đạt kết quả theo tính toán của mình.

Cuối cùng vì mục tiêu chung là “ngăn chặn làn sóng đỏ” hay như cách nói hình tượng của Tổng thống Truman là “bằng những tảng đá viện trợ của Mỹ, con bài Bảo Đại phải đứng vững để làm chức năng ngăn chặn cộng sản tiến xuống phía Nam Á”. Vì vậy, Mỹ và Pháp đều thống nhất chọn “giải pháp Bảo Đại”.

Về mặt lý luận-chính trị, trên bàn cờ quốc tế từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, nguyên tắc Domino của Mỹ là dựa trên sự viện trợ, sức mạnh quân sự, làm quân cờ Domino để “ngăn chặn sự bành trướng của cộng sản”. Dựa trên tình hình

thực tế trước thắng lợi của nhân dân Trung Quốc và nhân dân Đông Dương, các nhà chiến lược Mỹ đã cảnh báo rằng, nếu Đông Dương bị mất vào tay cộng sản thì các quốc gia còn lại ở Đông Nam Á sẽ không tránh khỏi “rơi vào tay cộng sản” theo phản ứng dây chuyền. Trong tài liệu của Hội đồng An ninh Quốc gia Mỹ, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ đã công khai biểu lộ thái độ lo lắng và nhấn mạnh: Hành động của Mỹ ở châu Á phải là một bộ phận trong kế hoạch toàn diện nhằm phục vụ mục tiêu quan trọng. Mục tiêu đó là tập trung ngăn chặn nhằm giảm bớt mối đe dọa của cộng sản đối với nền an ninh Mỹ.

Vấn đề đặt ra đối với chính quyền Washington là bằng mọi cách phải tăng cường giúp Pháp, không để “ông bạn đồng minh” của mình bỏ cuộc ở Đông Dương. Và rõ ràng một điều, Mỹ muốn biến cuộc chiến tranh thực dân nhằm tái chiếm thuộc địa của Pháp thành một cuộc nội chiến giữa những người Việt kháng chiến chống Pháp và những người Việt “quốc gia” theo Pháp, dùng người Việt đánh người Việt. Nói một cách khác, Mỹ muốn “Việt Nam hóa” cuộc chiến tranh của Pháp. Vì vậy “giải pháp Bảo Đại” là hợp lý cho những toan tính của Mỹ tại Việt Nam.

Về kinh tế, Mỹ giúp sức cả nhân lực và vật lực. Theo giáo sư Kahin nhận định: “Nước Pháp hậu chiến bị tàn phá nặng nề không có cả trang bị quân sự lẫn nguồn tài chính để có thể tiến hành một nỗ lực quân sự lớn ở Đông Dương” (Kahin & George, 1986, tr. 8). Trong cuộc hội đàm cuối tháng 8/1945 tại Washington, Truman đồng ý cho DeGaulle vay dài hạn 650 triệu đô la. Tháng 12/1945, Pháp nhận được khoản tiền 550 triệu đô la do Ngân hàng xuất nhập khẩu của Mỹ cho vay “để tài trợ cho phần bổ sung đặt hàng được thông qua với danh nghĩa thuê - cho mượn” (Robert, 1995, tr. 156). Tháng 5/1946, Mỹ xóa món nợ 1 tỷ 800 triệu đô la của Pháp trong thời gian chiến tranh, đồng thời cho Pháp vay thêm 500 triệu đô la thông qua ngân hàng quốc tế tái thiết và phát triển BIRD (Robert, 1995, tr. 157). Tính từ 7/1945 đến tháng 7/1948, Mỹ đã viện trợ cho Pháp 1,2 tỷ đô la, trong đó có những khoản tiền của Kế hoạch

Marshall dành cho việc phục hồi kinh tế của Pháp. Nhưng trong thực tế, một phần đáng kể số tiền bơm vào nước Pháp để phục hồi nền kinh tế bị chiến tranh tiêu tàn, lại bị bơm ra để duy trì đạo quân viễn chinh ở Đông Dương (Hollis, 1961).

Mặc dù, Mỹ hỗ trợ kinh tế dành cho Pháp có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện cho Pháp quay trở lại Việt Nam, nhưng đó không phải là yếu tố duy nhất hay chính yếu. Tham vọng thuộc địa của chính Pháp và bối cảnh rộng lớn hơn của Chiến tranh Lạnh cũng có những ảnh hưởng đáng kể.

Về quân sự, Mỹ không chỉ cung cấp đô la, Mỹ còn cung cấp súng đạn và phương tiện chiến tranh: “Mỹ cung cấp cho Paris một lượng lớn vũ khí hiện đại – bên ngoài nói là để bảo vệ đất nước Pháp và Tây Âu, nhưng với thỏa thuận rằng một phần quan trọng có thể dùng cho chiến dịch quân sự ở Đông Dương” (Kahin & George, 1986, tr. 8). Để không mang tiếng “giúp thực dân Pháp tái chiếm thuộc địa”, chính phủ Mỹ tuyên bố không bán vũ khí cho Pháp “trong những trường hợp có vẻ liên quan tới Đông Dương” (Kahin & George, 1986, tr. 8), nhưng thực tế, “nhiều vũ khí của Mỹ gửi sang Pháp lại được chuyển hướng sang Việt Nam” (Kahin & George, 1986, tr. 8). Việc Mỹ cung cấp vũ khí quân sự cho Pháp đã khiến quá trình tái thiết chế độ thực dân cũ tại Việt Nam được triển khai dễ dàng hơn.

Từ năm 1946 đến năm 1947, Mỹ coi cuộc chiến tranh Việt - Pháp cơ bản là vấn đề mà người Pháp phải tự giải quyết, còn Mỹ không can thiệp. Thái độ của Mỹ sau này được tài liệu của Lầu Năm Góc xem là tích cực với “chính sách trung lập”. Như đã phân tích trên, thực chất cái mà Mỹ gọi là “chính sách trung lập” chỉ là tấm màn che đậy ý đồ của Pháp khi cuộc chiến tranh xâm lược diễn ra trên quy mô toàn Đông Dương.

Như vậy, quan điểm, thái độ và chính sách của Mỹ về vấn đề thuộc địa và dân tộc có ảnh hưởng quan trọng đến ý định, kế hoạch khôi phục quyền cai trị đối với các nước thuộc địa của nhiều nước, trong đó có sự quay lại Việt Nam của người Pháp.

Trên thực tế, Mỹ đã ủng hộ nỗ lực của Pháp nhằm tái khẳng định quyền kiểm soát Việt Nam do lập trường chống cộng, lợi ích chiến lược và quyền lợi kinh tế. Sự ủng hộ này đã đặt nền móng cho sự can dự sâu sắc hơn của Mỹ vào Việt Nam trong những năm sau đó.

4. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG QUAN HỆ NƯỚC LỚN CỦA VIỆT NAM HIỆN NAY

Trong giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1947, nền ngoại giao Việt Nam đã để lại dấu ấn đậm nét khi thực hiện đối sách và ứng xử tài tình cùng một lúc với năm nước lớn, đối phó với đạo quân nước ngoài trên 30 vạn binh lính có mặt ở Việt Nam. Mặc dù quan hệ giữa các nước lớn với nhau và giữa họ với Việt Nam thể hiện đặc trưng của nền chính trị nước lớn: giữa họ luôn có xung đột và mâu thuẫn về lợi ích nhưng khi cần họ sẵn sàng thỏa hiệp mua bán với nhau bất chấp quyền lợi của nhân dân Việt Nam, tìm cách áp đặt giải pháp đối với Việt Nam và Đông Dương. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khéo léo lợi dụng mâu thuẫn giữa nước với nhau và có sách lược phù hợp. Bài học ngoại giao ấy đến nay vẫn giữ nguyên giá trị.

Bài học về sự kiên định trong nguyên tắc và linh hoạt trong sách lược. Theo định hướng, chủ trương chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay thì trong quan hệ ngoại giao với nước lớn, Việt Nam luôn giữ nguyên tắc “bất biến” đó là kiên quyết bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền, thực hiện ngoại giao tâm công, kiên trì lợi ích quốc gia-dân tộc, các vấn đề có tính nguyên tắc, song linh hoạt trong các vấn đề mang tính sách lược theo tinh thần “đi bất biến ứng vạn biến”, biết giành thắng lợi từng bước đi đến giành thắng lợi hoàn toàn. Sự linh hoạt trong đối ngoại là để giữ cho Việt Nam vị thế nước chủ nhà, không bị gạt ra khỏi cuộc chơi của các nước lớn.

Trong thế giới biến động và khó lường, thách thức luôn đan xen cơ hội, rủi ro luôn đi kèm với thời cơ. Trong hoàn cảnh khó khăn, phức tạp, Việt Nam vẫn tin tưởng vào bản lĩnh và ý chí của dân tộc, kế thừa và phát triển sáng tạo các bài học đối

ngoại, nghệ thuật ngoại giao của Hồ Chí Minh trong việc tận dụng cơ hội, hóa giải thách thức “biến nguy thành cơ”, phát huy tốt vai trò của nền ngoại giao mang bản sắc “cây tre Việt Nam”: gốc vững, thân chắc, cành uyển chuyển, thấm đượm tâm hồn, cốt cách và khí phách của dân tộc Việt Nam (Nguyễn Phú Trọng, 2023).

Quan hệ giữa các nước lớn, cũng như chính sách, chiến lược mà các nước này triển khai tại khu vực giai đoạn đầu thế kỷ XXI, đều tính đến nhân tố Việt Nam. Do đó, Việt Nam cần triển khai chính sách đối ngoại năng động, khôn khéo, cân bằng giúp Việt Nam phát huy được vị thế trên bàn cờ chính trị thế giới và trong chiến lược tổng thể của các nước lớn, cũng như vai trò trung tâm trong các tổ chức khu vực. Ngược lại, nếu tiếp cận không phù hợp các vấn đề quốc tế và khu vực, hậu quả sẽ rơi vào vòng xoáy cạnh tranh giữa các siêu cường và phải trả giá không nhỏ về lợi ích quốc gia-dân tộc.

Việt Nam cần thực hiện ngoại giao thích ứng, luôn biết nắm bắt cơ hội và xác định chính xác cục diện thế giới để đưa ra chính sách phù hợp. Việt Nam cần xác định được sự có mặt và vai trò của các nước lớn tại khu vực. Đặc biệt, vai trò của một số nước lớn tại khu vực như Mỹ, Trung Quốc... Mỹ có vai trò, vị trí quan trọng trong các tổ chức đa phương toàn cầu, sở hữu sức mạnh quân sự vượt trội và trình độ khoa học công nghệ đứng đầu thế giới. Tại châu Á-Thái Bình Dương, Trung Quốc đang trực tiếp thách thức vị trí lãnh đạo của Mỹ và là đối thủ cạnh tranh với Mỹ trên mọi lĩnh vực. Do đó, Mỹ cũng coi trọng quan hệ với Việt Nam nhằm kiềm chế, bao vây Trung Quốc. Đồng thời, Mỹ là nhân tố để Việt Nam cân bằng quan hệ với các nước lớn khác, trong đó có Trung Quốc.

Đa dạng hóa trong quan hệ hợp tác: Việc phụ thuộc quá nhiều vào một quốc gia lớn để được hỗ trợ có thể khiến một quốc gia dễ bị tổn thương trước những thay đổi trong nền chính trị toàn cầu. Việt Nam nên theo đuổi cách tiếp cận ngoại giao đa dạng, xây dựng mối quan hệ với nhiều nước lớn để giảm thiểu rủi ro phụ thuộc và tăng cường khả năng đàm phán. Việt Nam cần tận dụng các mối quan hệ đối tác truyền thống và đối tác mới.

Đặc biệt, Việt Nam phát triển mối quan hệ với các nước lớn lên bước tiến mới. Điển hình, quan hệ giữa Việt Nam - Mỹ đã có hướng phát triển tích cực trong những năm gần đây. Với tư duy đổi mới trong đối ngoại, Việt Nam đã có những đánh giá toàn diện và tích cực hơn về Mỹ, hạn chế mặt “đối tượng” trong quan hệ với Mỹ, từ đó dẫn đến những biến đổi về chất trong mối quan hệ này. Mỹ đã công nhận bằng văn bản trong Tuyên bố chung Việt - Mỹ các năm 2013, 2015, 2017 về việc “tôn trọng thể chế chính trị của Việt Nam”. Lần đầu tiên trong lịch sử, Mỹ đã mời Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng sang thăm chính thức và làm việc tại Mỹ. Những rào cản về chính trị, tư tưởng đã dần được gỡ bỏ để tăng cường hiểu biết và hợp tác đi vào thực chất hơn. Ngày 25/7/2023, quan hệ Việt Nam - Mỹ đã đạt bước phát triển toàn diện, thực chất và ngày càng đi vào chiều sâu. Ngày 10/9/2023, hai nước chính thức nâng cấp quan hệ lên đối tác chiến lược toàn diện vì hòa bình, hợp tác và phát triển. Từ những phân tích trên cho thấy, Mỹ có vị trí quan trọng, nằm trong hướng ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Việt Nam với các nước lớn.

Tăng cường tham gia với các tổ chức quốc tế: Việt Nam tích cực tham gia các tổ chức quốc tế có thể nâng cao ảnh hưởng ngoại giao của Việt Nam và tạo nền tảng để Việt Nam bày tỏ mối quan ngại của mình trên trường toàn cầu. Thực tế quá trình hội nhập và xây dựng đất nước của Việt Nam trong ASEAN và Liên hợp quốc tạo nên nền tảng vững chắc mới nhằm xây dựng mối quan hệ đối ngoại của mình. Vị thế là thành viên ASEAN đã đưa Việt Nam vào dòng chảy của các xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển ở khu vực Đông Nam Á và châu Á-Thái Bình Dương, đặc biệt là giữa các nước vừa và nhỏ trong một không gian địa lý cận kề, có cùng mục tiêu gìn giữ độc lập dân tộc, toàn vẹn lãnh thổ và bản sắc văn hóa dân tộc. Vị thế là thành viên của ASEAN tạo điều kiện cho Việt Nam tận dụng các nguồn lực về thể chế đa phương, trong đó ASEAN được tất cả các nước công nhận đóng vai trò trung tâm, kết hợp với các kênh song phương để có thể tăng cường can dự tích cực với tất cả các nước lớn, nhất là Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Ấn

Độ, Nga và EU, góp phần định hình chính sách của các nước lớn cam kết hòa bình, ổn định và thịnh vượng của khu vực. Ví thế ASEAN đã tăng cường nguồn lực và giá trị địa chính trị, địa kinh tế của Việt Nam – đó là một mắt xích quan trọng để Việt Nam kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại trong thời kỳ mới (Nguyễn Tuấn Việt, 2021).

Việc định vị chính xác vị trí của đất nước trong tương quan mỗi quan hệ quốc tế đan xen phức tạp sẽ giúp Việt Nam tạo khả năng ngày càng cao cho Việt Nam kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại nhằm nâng cao thế và lực của Việt Nam. Bởi lẽ, Việt Nam là nước nhỏ, nằm ở tâm điểm tranh chấp chiến lược nước lớn đặc biệt là cạnh tranh Mỹ - Trung, lại là nước có nền kinh tế còn yếu và tiềm năng quốc phòng khiêm tốn, mỗi thay đổi của những yếu tố chủ chốt trong cấu trúc cũng như trạng thái quan hệ giữa những yếu tố đều tác động nhanh chóng đến lợi ích của Việt Nam. Chính vì vậy, Việt Nam chưa đủ sức mạnh để trở thành “nước điều chỉnh sự cân bằng”, việc Việt Nam “ngả” về một bên nào đó cũng không làm thay đổi hẳn tương quan sức mạnh của một bên mà còn làm cho Việt Nam rơi vào tình thế lưỡng nan trong cuộc cạnh tranh chiến lược của các nước lớn. Một khả năng khác cần tính đến là nếu không cân bằng được lợi ích của hai cường quốc này trong quan hệ với Việt Nam, hoặc lợi ích mà mình đem lại cho họ quá nhỏ so với họ đem lại cho nhau, thì trong hoàn cảnh nhất định, các nước lớn có khả năng hy sinh lợi ích của Việt Nam, thỏa hiệp trên lưng nước nhỏ (như đã từng xảy ra trong quá khứ). Chính vì thế, Việt Nam cần cân bằng để đạt được lợi ích từ quan hệ với các bên và tránh rủi ro từ những mâu thuẫn, va chạm giữa các quốc gia.

Việt Nam cần giữ vững môi trường an ninh. Đây là mục tiêu nhất quán và xuyên suốt của Việt Nam nhằm tạo các điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát huy thế mạnh nội lực quốc gia nhằm tạo tiềm lực đối ngoại. Chủ trương đối ngoại lớn của Việt Nam là đa phương hóa, đa dạng hóa; chủ động hội nhập toàn diện; tham gia có trách nhiệm với cộng đồng quốc tế. Quán triệt đầy đủ và triển khai có

hiệu quả chủ trương nói trên là yếu tố đảm bảo cho Việt Nam tham gia tích cực và thúc đẩy tiến trình vận động của cấu trúc an ninh tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương phù hợp với lợi ích quốc gia.

Việt Nam luôn nâng cao sức mạnh quốc gia, chủ động tham gia vào các tổ chức quốc tế và khu vực một cách có chọn lựa, phù hợp với khả năng, phát huy được các nguồn lực trong và ngoài nước để phát triển và hội nhập. Đồng thời, chủ động xây dựng các kịch bản để ứng phó với mọi tình huống, không hoán đổi lợi ích an ninh, chính trị lấy lợi ích kinh tế, không để phụ thuộc vào bất kỳ nước lớn nào.

5. KẾT LUẬN

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Pháp muốn tiếp tục đặt Đông Dương và Việt Nam dưới sự “bảo hộ” của chế độ thực dân nhằm khai thác thuộc địa, phục vụ mục đích kinh tế, chính trị. Mỹ nhận thấy ý định của Pháp có thể ảnh hưởng đến lợi ích cốt lõi của mình nên đã đưa ra quan điểm không ủng hộ và kêu gọi trao trả độc lập cho Việt Nam. Tuy nhiên, trước sự phát triển của khối xã hội chủ nghĩa do Liên Xô lãnh đạo cùng chiến lược muốn tái thiết Tây Âu phục vụ cho “chiến lược ngăn chặn” xã hội chủ nghĩa và chiến tranh lạnh, Mỹ dần thay đổi quan điểm. Do đó, Mỹ từ quan điểm không ủng hộ sang trung lập và sau đó là ủng hộ Pháp trở lại Đông Dương nhưng buộc Pháp sớm trao trả độc lập cho Việt Nam thông qua “Giải pháp Bảo Đại”. Như vậy, Mỹ dựa trên lợi ích quốc gia và chiến lược toàn cầu để triển khai các hoạt động tập hợp lực lượng. Nỗi lo sợ chủ nghĩa xã hội buộc Mỹ phải liên tục thay đổi lập trường, đi ngược lại khát vọng độc lập của nhân dân Việt Nam. Vai trò của Mỹ trong việc thực dân Pháp tái chiếm Đông Dương đã phản ánh quan điểm và chính sách của Mỹ. Đồng thời, nó phản ánh rõ nét tình hình quan hệ quốc tế trong thời kỳ chiến tranh Lạnh đó là quá trình liên minh, liên kết, tập hợp lực lượng và đối đầu giữa hai cường quốc Liên Xô và Mỹ. Trong mọi tình huống, sự liên minh và tập hợp lực lượng giữa các quốc gia đều là yếu tố quan trọng khiến Việt Nam nằm trong vùng ảnh hưởng. Vì vậy, Việt

Nam cần phải có những chiến lược và đối sách linh hoạt, phù hợp với từng quốc gia nhằm tận dụng được sự ủng hộ, khai thác cơ hội và vượt qua các thách thức. Việt Nam cần áp dụng sáng tạo những bài học trong ngoại giao từ Chủ tịch Hồ Chí Minh “đĩ bất biến, ứng vạn biến” và luôn đặt lợi ích của quốc gia, dân tộc lên hàng đầu./.

Tài liệu tham khảo:

Tiếng Việt

Philippe Devillers. (1988). (Hoàng Hữu Đản dịch). *Paris - Sài Gòn - Hà Nội*. TP Hồ Chí Minh: Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.

Lê Phụng Hoàng. (2008). *Lịch sử quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ II đến cuối Chiến tranh Lạnh 1945-1991*. TP Hồ Chí Minh: Nxb Đại học Sư phạm TPHCM.

Nguyễn Phú Trọng. (2023). *Xây dựng và phát triển nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam toàn diện, hiện đại, mang bản sắc “cây tre Việt Nam”*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.

Nguyễn Tuấn Việt. (2021). *Bản sắc Quốc gia trong quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam: Một số vấn đề lý thuyết và thực tiễn*. Hà Nội: Nxb Thế giới.

Tiếng Anh

Bartholomew - Feis, D. R. (2006). *The OSS and Ho Chi Minh: Unexpected Allies in the War against Japan*. University Press of Kansas.

Bradley, M. P (2000). *Imagining Viet Nam and America- The Making of Postcolonial Viet Nam 1919-1950*. North Carolina: The University of North Carolina.

Chen, C. K. (1986). *Vietnam and China 1938-1945*. New Jersey: Princeton University Press.

Edition, G. (1971). *Background to the Crisis 1940 -1950*. Boston: Beacon Press.

Hess, R. G. (1987). *The United States' Emergence as a Southeast Asian Power 1940-1950*. New York: Columbia University Press.

Hollis, W. B (1961). *The United States in World Affairs 1955*. New York: Harper.

Kahin, George McT. (1986). *Intervention – How America Became Involved in Vietnam*. New York: Alfred A. Knopf.

- LaFeber, W. (1975). Roosevelt, Churchill and Indochina 1942-1945. *The American Historical Review*, (80), 115-117.
- Tonnesson Stein. (2002). *The Vietnam Revolution of 1945 – Roosevelt, Ho Chi Minh and De Gaulle in a World at War*. Oslo: International Peace Research Institute.
- Robert, S. M. (1999). *Argument without End – In Search of Answers to the Vietnam Tragedy*. New York: Public Affairs.
- William, D. L. (1950). *I was there*. New York: McGrawHill.
- William, C. G. (1984). *The U.S Government and the Vietnam War, part I: 1945-1961*. Washington D.C: U.S Government Printing Office.
- Tiếng Pháp**
- Charles, D. G. (1959). *Mémoires de guerre*. Paris: Plon.
- Lacouture Jean. (1981). *Pierre – Mendès France*. Paris: Seuil.
- Serge Berstein & Pierre Milza. (1991). *Histoire de la France au Xè siècle*. Paris: Complexe.

**ROLES OF THE US IN FRANCE’S RE-INVASION OF VIETNAM 1945-1947
AND LESSONS FOR VIETNAM IN HANDLING RELATIONSHIPS
WITH GREAT POWERS**

NGUYEN THI THU HONG

Abstract: The conclusion of the Second World War precipitated a rapid transformation in the global landscape. Post-war concerns, including colonial issues and decolonization efforts, became focal points for major Allied powers. The role and policies of the United States in these matters significantly influenced the decisions of many nations, including France’s desire to reclaim Vietnam. This paper will analyze America’s views on Vietnam before 1945 as a basis evaluates the U.S. role in aiding France’s reoccupation of Vietnam from 1945 to 1947 and extrapolates key lessons pertinent to contemporary Vietnamese diplomatic relations with major powers.

Keywords: *Asia Pacific, second world war, role*

Received: 31/3/2024; Revised: 13/5/2024; Accepted: 15/6/2024